TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 3 -2018
V/v: " Xin ly hôn giữa
chị T và anh S".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình

2. Ông Lê Văn Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lài -Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phước Hoàng Minh S, sinh năm 1988; Trú tại: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người làm chứng của nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1952; Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị và anh S do quen biết tiến đến hôn nhân, anh chị không có làm đám cưới nhưng sống chung từ năm 2014 đến năm 2015 thì sinh con và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 07-12-2015. Chị và anh S sống chung ở bên gia đình chị. Khoảng hơn một năm nay vợ chồng chị sống không hạnh phúc do vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày và cuộc sống vợ chồng. Anh S không lo cho vợ con, không lo làm ăn, chỉ lo

đi chơi, không lễ phép với người lớn. Anh chị ly thân cách đây hơn nữa năm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nên không có hạnh phúc. Vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, nay tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Phước Hoàng Minh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An A, sinh ngày 14-11-2015. Con hiện đang sống với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Trước đây, trong đơn ly hôn chị có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành nhưng nay chị không yêu cầu. Hiện nay chị đang làm y sĩ, lương mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phước Hoàng Minh S trình bày:

Về thời gian sống chung, quá trình đăng ký kết hôn như T trình bày, vợ chồng do quen biết, sống chung năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Anh đi làm ăn khoảng một hai tuần mới về thăm vợ con, một tháng anh làm khoảng 07 triệu mấy anh đưa chị T 05 triệu. Anh cũng thỉnh thoảng có đi vòng vòng xóm chơi. Thỉnh thoảng anh có nói lớn tiếng với chị T chứ không có cự cãi.

Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý, mặc dù anh vẫn còn thương vợ nhưng chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An A, sinh ngày 14-11-2015. Con hiện đang sống với chị T. Nay ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình ; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T đối với anh Nguyễn Phước Hoàng Minh S, chị T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc An A, sinh ngày 14- 11 -2015, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh S tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của chị T và anh S hạnh phúc được một thời gian, theo chị T thì chị và anh S không hạnh phúc khoảng một năm nay. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S không lo cho vợ con, không lo làm ăn…anh chị đã ly thân từ khoảng nữa năm nay. Từ lúc ly thân, cả hai không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An A, sinh ngày 14- 11 -2015, hiện cháu A đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu nuôi, anh S cũng có yêu cầu nuôi cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu A hiện hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, theo qui định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con" theo chứng cứ chị T cung cấp thì chị T đảm bảo đầy đủ điều kiện nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

3.Về tài sản chung: Chị T và anh S đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh S đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc T phải nộp.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T. Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Phước Hoàng Minh S.

Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc An A, sinh ngày 14-11-2015, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai thu số 0014674 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre*;
- *VKSND H. Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS H. Mỏ Cày Nam;*
- *UBND xã T, H. Mỏ Cày Bắc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên